UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Năm 2026

1.THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng, hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tân Trào được xây dựng và cập nhật trên cơ sở:

Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số quy định về mở ngành đào tạo;

Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt "Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Điều dưỡng Việt Nam";

Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-HĐD ngày 10/9/2012 của Chủ tịch Hội Điều dưỡng Việt Nam;

Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr ngày 20/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và các quy định có liên quan của Nhà trường.

Chương trình được thiết kế theo tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education – OBE), bảo đảm sự liên kết giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá. Mức độ đóng góp của từng học phần đối với chuẩn đầu ra được thể hiện qua các ma trận đối sánh.

Cấu trúc chương trình được sắp xếp logic từ kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở đến kiến thức ngành, chuyên ngành, thực hành và thực tập lâm sàng. Hoạt động dạy học lấy người học làm trung tâm, chú trọng tự học, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Sinh viên được thực hành tại Nhà trường và các cơ sở y tế trong, ngoài tỉnh nhằm phát triển năng lực chăm sóc toàn diện, an toàn; giao tiếp, giáo dục sức khỏe; làm việc nhóm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Chương trình đồng thời chú trọng ngoại ngữ, công nghệ số, nghiên cứu khoa học và khả năng thích ứng với môi trường hành nghề.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Điều dưỡng
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Nursing
- Mã ngành đào tạo: 7720301
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Điều dưỡng.

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

Hoạt động đào tạo được tổ chức kết hợp giữa lý thuyết, thực hành tiền lâm sàng, thực hành lâm sàng và thực hành cộng đồng. Lý thuyết được giảng dạy tại Nhà trường; thực hành tiền lâm sàng được tổ chức theo nhóm tại các phòng thí nghiệm, phòng thực hành; thực hành lâm sàng và cộng đồng được triển khai tại các cơ sở thực hành của Nhà trường. Trong quá trình thực hành, sinh viên được giảng viên và người hướng dẫn tại cơ sở trực tiếp hướng dẫn, giám sát và đánh giá.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Sau khi tốt nghiệp ngành Điều dưỡng, trường Đại học Tân Trào, người học sẽ:

TT	Mục tiêu chương trình đào tạo
PO1	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, thái độ đúng đắn và tác phong chuyên nghiệp trong chăm sóc người bệnh, gia đình và cộng đồng
PO2	Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học sức khỏe và kiến thức chuyên môn điều dưỡng để thực hiện chăm sóc an toàn, toàn diện, liên tục và phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe
PO3	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp điều dưỡng; giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe; làm việc nhóm và phối hợp liên ngành trong phạm vi hành nghề
PO4	Vận dụng tư duy nghiên cứu, thực hành dựa vào bằng chứng, cải tiến chất lượng và ứng dụng công nghệ phù hợp trong hoạt động nghề nghiệp điều dưỡng
PO5	Có năng lực tự học, tự chủ, thích ứng nghề nghiệp, học tập suốt đời và phát triển chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của địa phương, khu vực và xã hội

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên ngành Điều dưỡng khi tốt nghiệp sẽ có các năng lực sau:

NHÓM NĂNG LỰC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)
Kiến thức	**PLO1.**Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng và giáo dục thể chất để thực hiện trách nhiệm công dân trong học tập, rèn luyện và hoạt động nghề nghiệp.
	PLO2. Vận dụng kiến thức nền tảng về cấu trúc, chức năng cơ thể người và các yếu tố tâm lý, xã hội có liên quan để phân tích, giải thích tình trạng người bệnh và nhu cầu chăm sóc trong các tình huống điều dưỡng thông thường
	PLO3. Vận dụng kiến thức dược lý, dinh dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh để thực hiện chăm sóc điều dưỡng phù hợp, an toàn và hiệu quả trong các tình huống điều dưỡng thông

NHÓM NĂNG LỰC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)
	thường.
	PLO4. Vận dụng quy trình điều dưỡng để nhận định người bệnh, xác định vấn đề chăm sóc, lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá chăm sóc trong các tình huống điều dưỡng thông thường.
Kỹ năng	**PLO5.** Lựa chọn, thực hiện và đánh giá chăm sóc điều dưỡng phù hợp cho người bệnh có các vấn đề sức khỏe thường gặp trong các tình huống điều dưỡng thông thường, bảo đảm an toàn và hiệu quả.
	PLO6. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản đúng quy trình, bảo đảm an toàn, chính xác và phù hợp với tình trạng người bệnh trong các tình huống điều dưỡng thông thường.
	PLO7. Phân tích nhu cầu chăm sóc, nhận diện vấn đề và đề xuất giải pháp cải tiến trong hoạt động chăm sóc điều dưỡng trong phạm vi đào tạo.
	PLO8. Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về ngoại ngữ (bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương), năng lực số và trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên cơ sở tư duy khoa học trong học tập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số
	PLO9. Thực hiện giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe và phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình, cộng đồng và nhóm chăm sóc trong các tình huống điều dưỡng thông thường.
Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	**PLO10.** Thể hiện năng lực tự học, tự chủ, chịu trách nhiệm, thái độ chuyên nghiệp và khả năng thích ứng trong học tập, thực hành và phát triển nghề nghiệp điều dưỡng.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm như:

- Điều dưỡng viên tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước.

- Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo điều dưỡng.

- Tại các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: cả nước

5.2. Quy trình đào tạo

Theo Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr ngày 20/09/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo chương II - Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr ngày 20/09/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ thực hiện chương trình gồm giảng viên của Khoa Y Dược, các đơn vị chuyên môn thuộc Trường Đại học Tân Trào và giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế.

Giảng viên được phân công phù hợp với chuyên môn và nội dung học phần. Các học phần thực hành, thực tập lâm sàng và thực tập cộng đồng được tổ chức với sự phối hợp giữa giảng viên Nhà trường và người hướng dẫn tại cơ sở thực hành. Đội ngũ giảng viên được bồi dưỡng, phát triển định kỳ nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành nghề nghiệp.

6.2. Cơ sở vật chất

Khoa Y Dược được bố trí 04 phòng làm việc, có bàn làm việc, máy tính kết nối internet, máy in, hệ thống điện, điều hòa và wifi, phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý chuyên môn.

Trường Đại học Tân Trào có 03 cơ sở, trên 80 phòng học, hệ thống phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ và hơn 700 máy tính, thiết bị hỗ trợ giảng dạy kết nối internet. Nhà trường có 20 phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ khoa học cơ bản, y học cơ sở, điều dưỡng cơ bản và thực hành tiền lâm sàng về nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa, cấp cứu và phục hồi chức năng.

Trung tâm Thông tin – Thư viện có không gian tự học, học nhóm, nghiên cứu tài liệu và hệ thống học liệu phục vụ ngành Điều dưỡng. Nhà trường kết nối với hệ thống thư viện số dùng chung của hơn 100 cơ sở giáo dục đại học, tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên khai thác tài liệu học tập, nghiên cứu.

Nhà trường có mạng lưới cơ sở thực hành gồm các bệnh viện, trung tâm y tế và trạm y tế. Hoạt động thực hành lâm sàng và cộng đồng được tổ chức tại các cơ sở đủ điều kiện, có hợp đồng phối hợp theo quy định, đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung và chuẩn đầu ra của từng học phần. Các phương pháp thường được sử dụng gồm: thuyết trình kết hợp trao đổi, thảo luận nhóm, phân tích tình huống, học theo ca bệnh, đóng vai, làm mẫu và thực hành có hướng dẫn.

Đối với học phần thực hành và lâm sàng, sinh viên được hướng dẫn kỹ thuật, luyện tập, đi buồng, giao ban, lập và trình bày kế hoạch chăm sóc. Giảng viên theo dõi, nhận xét và hỗ trợ sinh viên điều chỉnh ngay trong quá trình học. Sinh viên được khuyến khích chủ động đọc tài liệu, chuẩn bị bài, tự luyện tập và tự đánh giá kết quả học tập.

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 02 năm một lần hoặc khi có yêu cầu điều chỉnh. Việc rà soát căn cứ vào kết quả học tập, mức độ đạt chuẩn đầu ra và ý kiến của sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, cơ sở thực hành, nhà sử dụng lao động.

Hằng năm, các khoa, bộ môn tổ chức dự giờ, trao đổi chuyên môn và rà soát nội dung, phương pháp giảng dạy, cách kiểm tra, đánh giá. Những vấn đề được phát hiện qua phản hồi và quá trình giảng dạy được thảo luận, điều chỉnh và theo dõi kết quả sau cải tiến.

Đối với thực hành, giảng viên Nhà trường phối hợp với người hướng dẫn tại cơ sở thực hành để thống nhất nội dung, kế hoạch, cách hướng dẫn và công cụ đánh giá. Sinh viên được tạo điều kiện luyện tập, nhận phản hồi và hoàn thiện kỹ năng trước khi kết thúc học phần.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo, các quy định của Nhà trường.

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

- Kết hợp nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá

- Hình thức và số lần kiểm tra đánh giá và số lần mỗi hình thức lượng giá được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần đã được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy học phần.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số: 143 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh), trong đó:

+ Kiến thức giáo dục đại cương: 29 tín chỉ;

+ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành và cốt lõi ngành): 100 tín chỉ, gồm:

- Kiến thức cơ sở khối ngành: 25 tín chỉ;

- Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ;

- Kiến thức chuyên ngành: 50 tín chỉ;

* Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 14 tín chỉ, gồm:

- Thực tập: 6 tín chỉ;

- Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 8 tín chỉ.

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		Ma trận tương quan giữa học phần và CĐR (PLO)										TỔNG MỨC ĐỘ			
				LT	TH	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	I	R	M	A
A	**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**29**																
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	I										1	0	0	0
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	R										0	1	0	0
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	R										0	1	0	0
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	M, A										0	0	1	1
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	M, A										0	0	1	1
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	1,5	0,5	M, A										0	0	1	1
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	2	1								I			1	0	0	0
8	TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI	2	1	1								I			1	0	0	0
9	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	2	1								R			0	1	0	0
10	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	3	1,5	1,5							R	R			0	2	0	0
11	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	1,5	1,5								M, A			0	0	1	1
12	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	2	1	1								M, A			0	0	1	1
B	**GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**100**																
B1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**25**																
13	TN2.1.807.2	Toán – Thống kê Y dược	2	1	1							I				1	0	0	0

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		Ma trận tương quan giữa học phần và CĐR (PLO)										TỔNG MỨC ĐỘ			
				LT	TH	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	I	R	M	A
14	YD2.1.047.2	Sinh học đại cương	2	1	1		I									1	0	0	0
15	ĐD2.1.004.2	Vật lý và Lý sinh	2	1	1		I									1	0	0	0
16	YK2.1.002.2	Di truyền học	2	1	1		R									0	1	0	0
17	ĐD2.1.002.2	Hóa học	2	1	1			I								1	0	0	0
18	YK2.1.005.3	Giải phẫu học	3	1,5	1,5		R									0	1	0	0
19	ĐD2.1.008.3	Sinh lý	3	1,5	1,5		M, A									0	0	1	1
20	YK2.1.003.3	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	1,5	1,5		M, A									0	0	1	1
21	YK2.1.004.3	Vi sinh – Ký sinh trùng	3	1,5	1,5			R								0	1	0	0
22	ĐD2.1.011.3	Hóa sinh	3	1,5	1,5			R								0	1	0	0
B2	**Kiến thức ngành Điều dưỡng**		**25**																
23	YK2.1.001.2	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	1	1										I	1	0	0	0
24	TL2.1.424.2	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2	1	1									I		1	0	0	0
25	ĐD2.1.203.3	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	3	1,5	1,5									R		0	1	0	0
26	ĐD2.1.034.2	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	1	1			M								0	0	1	0
27	ĐD2.1.013.2	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	1	1			M								0	0	1	0
28	ĐD2.1.012.3	Dược lý	3	2	1			M, A								0	0	1	1
29	ĐD2.1.204.3	Điều dưỡng cơ sở 1	3	1	2				I		I					2	0	0	0
30	ĐD2.1.205.3	Điều dưỡng cơ sở 2	3	1	2				R		R					0	2	0	0

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		Ma trận tương quan giữa học phần và CĐR (PLO)										TỔNG MỨC ĐỘ			
				LT	TH	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	I	R	M	A
31	ĐD2.1.206.3	Thực tập điều dưỡng cơ bản	3	0	3						M, A					0	0	1	1
32	ĐD2.1.207.2	Tổ chức y tế và Quản lý điều dưỡng	2	1	1							M, A				0	0	1	1
B3	**Kiến thức chuyên ngành**		**50**																
B4	**Chuyên ngành bắt buộc**		**42**																
33	ĐD2.1.020.3	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 1	3	2	1				M							0	0	1	0
34	ĐD2.1.208.3	Thực tập điều dưỡng nội khoa	3	0	3					I						1	0	0	0
35	ĐD2.1.021.3	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 1	3	2	1				M							0	0	1	0
36	ĐD2.1.209.3	Thực tập điều dưỡng ngoại khoa	3	0	3					R						0	1	0	0
37	ĐD2.1.022.3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 1	3	2	1				M, A							0	0	1	1
38	ĐD2.1.116.3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 2	3	0	3					R						0	1	0	0
39	ĐD2.1.023.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	3	2	1				M, A							0	0	1	1
40	ĐD2.1.117.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	3	0	3					M						0	0	1	0
41	ĐD2.1.210.3	Điều dưỡng truyền nhiễm	3	1	2			M, A								0	0	1	1
42	ĐD2.1.211.4	Điều dưỡng cấp cứu và hồi sức tích cực	4	2	2					M, A						0	0	1	1
43	ĐD2.1.212.2	Điều dưỡng cộng đồng	2	1	1							M, A				0	0	1	1

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		Ma trận tương quan giữa học phần và CĐR (PLO)										TỔNG MỨC ĐỘ			
				LT	TH	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	I	R	M	A
44	ĐD2.1.102.2	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	1	1									M, A		0	0	1	1
45	ĐD2.1.213.4	Chăm sóc lão khoa và chăm sóc giảm nhẹ	4	2	2									M, A		0	0	1	1
46	NN2.1.29.3	Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng	3	2	1								M		R	0	1	1	0
B5	**Chuyên ngành tự chọn – tích lũy 8/16 tín chỉ**		**8/16**																
47	ĐD2.1.107.2	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ nội	2	1	1					R						0	1	0	0
48	ĐD2.1.109.2	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ ngoại	2	1	1					R						0	1	0	0
49	ĐD2.1.103.2	Chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền	2	1	1					R						0	1	0	0
50	ĐD2.1.028.2	Chăm sóc người cần được phục hồi chức năng	2	1	1					R						0	1	0	0
51	ĐD2.1.219.2	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe	2	1	1							R				0	1	0	0
52	ĐD2.1.214.2	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	2	1	1							R				0	1	0	0
53	ĐD2.1.218.2	Ứng dụng công nghệ số trong thực hành điều dưỡng	2	0	2							R				0	1	0	0

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ		Ma trận tương quan giữa học phần và CĐR (PLO)										TỔNG MỨC ĐỘ			
				LT	TH	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	I	R	M	A
54	ĐD2.1.015.2	Dịch tễ học	2	1	1							R				0	1	0	0
C	**THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP**		**14**																
C1	**Thực tập**		**6**																
55	ĐD2.1.215.6	Thực tập tốt nghiệp điều dưỡng	6	0	6					M, A					M	0	0	2	1
C2	**Tốt nghiệp – chọn một trong hai phương án**		**8**																
C2.1	**Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng**		**8**																
56	ĐD2.1.044.8	Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng	8	0	8										M, A	0	0	1	1
C2.2	**Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp**		**8**																
57	ĐD2.1.216.4	Lý thuyết tổng hợp điều dưỡng	4	4	0										M, A	0	0	1	1
58	ĐD2.1.217.4	Thực tập điều dưỡng tổng hợp	4	0	4										M	0	0	1	0
TỔNG	**TỔNG SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY TOÀN KHÓA**		**143**																
		I				**1**	**2**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**2**	**1**	**1**	**12**			
		R				**2**	**2**	**2**	**1**	**6**	**1**	**5**	**2**	**1**	**1**		**23**		
		M				**3**	**2**	**4**	**4**	**3**	**1**	**2**	**3**	**2**	**4**			**28**	
		A				**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**1**	**2**	**2**	**2**	**2**				**20**

9.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số giờ tín chỉ							HP tiên quyết	HP học trước	Ghi chú
			LT	TH	Tổng TC	Giờ LT	TH trong/ngoài trường, seminar	Thực tế	Thực tập, rèn nghề	KLTN	Tự học	Tổng giờ			
A	**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**				**29**										
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3	0	3	45	0	0	0	0	105	150			
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	0	2	30	0	0	0	0	70	100			
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	2	30	0	0	0	0	70	100			
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,5	0,5	2	22,5	15	0	0	0	62,5	100			
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	2	30	0	0	0	0	70	100			
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	1,5	0,5	2	22,5	15	0	0	0	62,5	100			
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150			
8	TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100			
9	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150		NN2.1.001.3	
10	NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150		TN2.1.807.2	
11	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150		NN2.1.002.3	
12	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100			
B	**GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**				**100**										
B1	**Kiến thức cơ sở ngành**				**25**										

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số giờ tín chỉ							HP tiên quyết	HP học trước	Ghi chú
			LT	TH	Tổng TC	Giờ LT	TH trong/ngoài trường, seminar	Thực tế	Thực tập, rèn nghề	KLTN	Tự học	Tổng giờ			
13	TN2.1.807.2	Toán – Thống kê Y dược	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100			
14	YD2.1.047.2	Sinh học đại cương	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100			
15	ĐD2.1.004.2	Vật lý và Lý sinh	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100			
16	YK2.1.002.2	Di truyền học	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		YD2.1.047.2	
17	ĐD2.1.002.2	Hóa học	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100			
18	YK2.1.005.3	Giải phẫu học	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150			
19	ĐD2.1.008.3	Sinh lý	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150			
20	YK2.1.003.3	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150			
21	YK2.1.004.3	Vi sinh – Ký sinh trùng	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150			
22	ĐD2.1.011.3	Hóa sinh	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150			
B2	**Kiến thức ngành Điều dưỡng**				**25**										
23	YK2.1.001.2	Tâm lý y học – Đạo đức y học	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100			
24	TL2.1.424.2	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		YK2.1.001.2	
25	ĐD2.1.203.3	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	1,5	1,5	3	22,5	45	0	0	0	82,5	150		TL2.1.424.2	
26	ĐD2.1.034.2	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		YK2.1.004.3	
27	ĐD2.1.013.2	Dinh dưỡng – Tiết chế	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		ĐD2.1.011.3	
28	ĐD2.1.012.3	Dược lý	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150		ĐD2.1.008.3	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số giờ tín chỉ							HP tiên quyết	HP học trước	Ghi chú
			LT	TH	Tổng TC	Giờ LT	TH trong/ngoài trường, seminar	Thực tế	Thực tập, rèn nghề	KLTN	Tự học	Tổng giờ			
29	ĐD2.1.204.3	Điều dưỡng cơ sở 1	1	2	3	15	60	15	0	0	60	150		ĐD2.1.034.2	
30	ĐD2.1.205.3	Điều dưỡng cơ sở 2	1	2	3	15	60	0	0	0	75	150		ĐD2.1.204.3	
31	ĐD2.1.206.3	Thực tập điều dưỡng cơ bản	0	3	3	0	0	0	150	0	0	150		ĐD2.1.205.3	
32	ĐD2.1.207.2	Tổ chức y tế và Quản lý điều dưỡng	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		ĐD2.1.205.3	
B3	**Kiến thức chuyên ngành**				**50**										
B4	**Chuyên ngành bắt buộc**				**42**										
33	ĐD2.1.020.3	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 1	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	
34	ĐD2.1.208.3	Thực tập điều dưỡng nội khoa	0	3	3	0	0	0	150	0	0	150		ĐD2.1.020.3	
35	ĐD2.1.021.3	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 1	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	
36	ĐD2.1.209.3	Thực tập điều dưỡng ngoại khoa	0	3	3	0	0	0	150	0	0	150		ĐD2.1.021.3	
37	ĐD2.1.022.3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 1	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	
38	ĐD2.1.116.3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 2	0	3	3	0	0	0	150	0	0	150		ĐD2.1.022.3	
39	ĐD2.1.023.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	
40	ĐD2.1.117.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	0	3	3	0	0	0	150	0	0	150		ĐD2.1.023.3	
41	ĐD2.1.210.3	Điều dưỡng truyền nhiễm	1	2	3	15	0	0	100	0	35	150		ĐD2.1.034.2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số giờ tín chỉ							HP tiên quyết	HP học trước	Ghi chú
			LT	TH	Tổng TC	Giờ LT	TH trong/ngoài trường, seminar	Thực tế	Thực tập, rèn nghề	KLTN	Tự học	Tổng giờ			
42	ĐD2.1.211.4	Điều dưỡng cấp cứu và hồi sức tích cực	2	2	4	30	0	0	100	0	70	200		ĐD2.1.020.3; ĐD2.1.021.3	
43	ĐD2.1.212.2	Điều dưỡng cộng đồng	1	1	2	15	0	0	50	0	35	100		ĐD2.1.203.3	
44	ĐD2.1.102.2	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		YK2.1.001.2	
45	ĐD2.1.213.4	Chăm sóc lão khoa và chăm sóc giảm nhẹ	2	2	4	30	0	0	100	0	70	200		ĐD2.1.020.3	
46	NN2.1.29.3	Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng	2	1	3	30	30	0	0	0	90	150		NN2.1.003.3	
B5	**Chuyên ngành tự chọn – tích lũy 8/18 tín chỉ**				**8/16**										
47	ĐD2.1.107.2	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ nội	1	1	2	15	0	0	50	0	35	100		ĐD2.1.208.3	
48	ĐD2.1.109.2	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ ngoại	1	1	2	15	0	0	50	0	35	100		ĐD2.1.209.3	
49	ĐD2.1.103.2	Chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền	1	1	2	15	0	0	50	0	35	100		ĐD2.1.208.3	
50	ĐD2.1.028.2	Chăm sóc người cần được phục hồi chức năng	1	1	2	15	0	0	50	0	35	100		ĐD2.1.208.3	
51	ĐD2.1.219.2	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		ĐD2.1.207.2	
52	ĐD2.1.214.2	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		ĐD2.1.034.2; ĐD2.1.203.3	
53	ĐD2.1.218.2	Ứng dụng công nghệ số trong thực hành điều dưỡng	0	2	2	0	0	0	100	0	0	100		TI2.1.501.2	
54	ĐD2.1.015.2	Dịch tễ học	1	1	2	15	30	0	0	0	55	100		TN2.1.807.2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số giờ tín chỉ							HP tiên quyết	HP học trước	Ghi chú
			LT	TH	Tổng TC	Giờ LT	TH trong/ngoài trường, seminar	Thực tế	Thực tập, rèn nghề	KLTN	Tự học	Tổng giờ			
C	**THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP**				**14**										
C1	**Thực tập**				**6**										
55	ĐD2.1.215.6	Thực tập tốt nghiệp điều dưỡng	0	6	6	0	0	0	300	0	0	300	Hoàn thành các học phần chuyên ngành bắt buộc		
C2	**Tốt nghiệp – chọn một trong hai phương án**				**8**										
C2.1	**Khóa luận tốt nghiệp**				**8**										
56	ĐD2.1.044.8	Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng	0	8	8	0	0	0	0	400	0	400	Đủ điều kiện làm khóa luận	NCKH.01.001.3	
C2.2	**Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp**				**8**										
57	ĐD2.1.216.4	Lý thuyết tổng hợp điều dưỡng	4	0	4	60	0	0	0	0	140	200	Hoàn thành các học phần chuyên ngành		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số giờ tín chỉ							HP tiên quyết	HP học trước	Ghi chú
			LT	TH	Tổng TC	Giờ LT	TH trong/ngoài trường, seminar	Thực tế	Thực tập, rèn nghề	KLTN	Tự học	Tổng giờ			
58	ĐD2.1.217.4	Thực tập điều dưỡng tổng hợp	0	4	4	0	0	0	200	0	0	200	Hoàn thành các học phần chuyên ngành		
TỔNG	**TỔNG SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY TOÀN KHÓA**				**143**										

*** Danh sách học phần điều kiện tốt nghiệp**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	Giảng dạy ngoài sân bãi	ĐK tiên quyết	Ghi chú
D	**GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ GIÁO DỤC QP-AN**						
D1	**Giáo dục thể chất**						
1	TC2.1.024.2	Giáo dục thể chất 1	2	2	28	Không	
	Tự chọn nhóm 1: chọn 01 trong các học phần sau						
2	TC2.1.022.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4	41	Không	
3	TC2.1.023.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	3	42	Không	
4	TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	3	42	Không	
5	TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3	42	Không	
6	TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	43	Không	
7	TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	3	42	Không	
8	TC2.1.018.3	GD Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	3	42	Không	
9	TC2.1.020.3	GD Thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4	41	Không	
10	TC2.1.025.3	GD Thể chất 2 (Pickleball 1)	3	2	43	Không	
	Tự chọn nhóm 2: chọn 01 trong các học phần sau						
11	TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	0	30	Không	
12	TC2.1.009.2	GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	0	30	Không	
13	TC2.1.010.2	GD Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2	0	30	Không	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	Giảng dạy ngoài sân bãi	ĐK tiên quyết	Ghi chú
14	TC2.1.011.2	GD Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	0	30	Không	
15	TC2.1.012.2	GD Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	28	Không	
16	TC2.1.013.2	GD Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2	28	Không	
17	TC2.1.019.2	GD Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2	0	30	Không	
18	TC2.1.021.2	GD Thể chất 3 (Bơi lội 2)	2	0	30	Không	
19	TC2.1.026.2	GD Thể chất 3 (Pickleball 2)	2	0	30	Không	
	Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất sinh viên phải tích lũy		**7**				
D2	**Giáo dục Quốc phòng - An ninh**		**9**				
1	QP.2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	37	8	Không	
2	QP.2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	22	8	QP.2.1.014.3	
3	QP.2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	2	14	16	QP.2.1.015.2	
4	QP.2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2	4	56	QP.2.1.016.2	
	Tổng số tín chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh		**9**				
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP		**16**				

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HP điều kiện tiên quyết	HP học trước	Đơn vị quản lý học phần
HỌC KỲ 1	**19 TC tích lũy: 19 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn; ngoài ra 2 TC điều kiện**	**19**			
TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI	2			Khoa Sư phạm
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3			Bộ môn Ngoại ngữ
HP điều kiện	Giáo dục thể chất 1	0			Trung tâm TDTT
TN2.1.807.2	Toán – Thống kê Y dược	2			Khoa Sư phạm
ĐD2.1.004.2	Vật lý và Lý sinh	2			Khoa Y Dược
ĐD2.1.002.2	Hóa học	2			Khoa Y Dược
YD2.1.047.2	Sinh học đại cương	2			Khoa Y Dược; Khoa Sư phạm
YK2.1.005.3	Giải phẫu học	3			Khoa Y Dược
YK2.1.004.3	Vi sinh – Ký sinh trùng	3			Khoa Y Dược
HỌC KỲ 2	**19 TC tích lũy: 19 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn; ngoài ra 3 TC điều kiện**	**18**			
NCKH.01.001.3	Nghiên cứu khoa học	3		TN2.1.807.2	Khoa Y Dược
LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3			Khoa Chính trị – TLGD
HP điều kiện	Giáo dục thể chất 2	0			Trung tâm TDTT
YK2.1.002.2	Di truyền học	2		YD2.1.047.2	Khoa Y Dược; Khoa Sư phạm
ĐD2.1.008.3	Sinh lý	3			Khoa Y Dược
ĐD2.1.011.3	Hóa sinh	3		ĐD2.1.002.2	Khoa Y Dược
TL2.1.424.2	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2		YK2.1.001.2	Khoa Y Dược
YK2.1.001.2	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2			Khoa Y Dược
		18			
HỌC KỲ 3	**15 TC tích lũy: 15 TC**	**16**			

Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HP điều kiện tiên quyết	HP học trước	Đơn vị quản lý học phần
	bắt buộc, 0 TC tự chọn; ngoài ra 11 TC điều kiện				
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3		NN2.1.001.3	Bộ môn Ngoại ngữ
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			Khoa Chính trị – TLGD
HP điều kiện	Giáo dục thể chất 3				Trung tâm TDTT
HP điều kiện	Giáo dục Quốc phòng và An ninh				Trung tâm TDTT
ĐD2.1.034.2	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2		YK2.1.004.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.204.3	Điều dưỡng cơ sở 1	3		ĐD2.1.034.2	Khoa Y Dược
ĐD2.1.012.3	Dược lý	3		ĐD2.1.008.3	Khoa Y Dược
YK2.1.003.3	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3			Khoa Y Dược
HỌC KỲ 4	**19 TC: 19 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn**	**19**			
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3		NN2.1.002.3	Bộ môn Ngoại ngữ
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2			Khoa Chính trị – TLGD
KT2.1.191.2	Khởi nghiệp	2			Khoa Kinh tế và QTKD
ĐD2.1.203.3	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	3		TL2.1.424.2	Khoa Y Dược
ĐD2.1.205.3	Điều dưỡng cơ sở 2	3		ĐD2.1.204.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.013.2	Dinh dưỡng – Tiết chế	2		ĐD2.1.011.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.206.3	Thực tập điều dưỡng cơ bản	3		ĐD2.1.205.3	Khoa Y Dược
HỌC KỲ 5	**19 TC: 19 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn**	**19**			
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			Khoa Chính trị – TLGD
ĐD2.1.207.2	Tổ chức y tế và Quản lý điều dưỡng	2		ĐD2.1.205.3	Khoa Y Dược
NN2.1.29.3	Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng	3		NN2.1.003.3	Bộ môn Ngoại ngữ

Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HP điều kiện tiên quyết	HP học trước	Đơn vị quản lý học phần
ĐD2.1.020.3	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 1	3		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.021.3	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 1	3		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.208.3	Thực tập điều dưỡng nội khoa	3		ĐD2.1.020.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.209.3	Thực tập điều dưỡng ngoại khoa	3		ĐD2.1.021.3	Khoa Y Dược
HỌC KỲ 6	**19 TC: 19 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn**	**19**			
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			Khoa Chính trị – TLGD
ĐD2.1.022.3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 1	3		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.023.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	3		ĐD2.1.205.3; ĐD2.1.206.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.210.3	Điều dưỡng truyền nhiễm	3		ĐD2.1.034.2	Khoa Y Dược
ĐD2.1.212.2	Điều dưỡng cộng đồng	2		ĐD2.1.203.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.116.3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 2	3		ĐD2.1.022.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.117.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	3		ĐD2.1.023.3	Khoa Y Dược
HỌC KỲ 7	**20 TC: 12 TC bắt buộc, tích lũy 8/16 TC tự chọn**	**20**			
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			Khoa Chính trị – TLGD
ĐD2.1.211.4	Điều dưỡng cấp cứu và hồi sức tích cực	4		ĐD2.1.020.3; ĐD2.1.021.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.102.2	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2		YK2.1.001.2	Khoa Y Dược
ĐD2.1.213.4	Chăm sóc lão khoa và chăm sóc giảm nhẹ	4		ĐD2.1.020.3	Khoa Y Dược
Học phần tự chọn	**Chọn các học phần dưới đây để tích lũy 8/16 TC**	**8/16**			
ĐD2.1.107.2	Chăm sóc người bệnh	2		ĐD2.1.208.3	Khoa Y Dược

Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HP điều kiện tiên quyết	HP học trước	Đơn vị quản lý học phần
	chuyên khoa hệ nội				
ĐD2.1.109.2	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ ngoại	2		ĐD2.1.209.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.103.2	Chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền	2		ĐD2.1.208.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.028.2	Chăm sóc người cần được phục hồi chức năng	2		ĐD2.1.208.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.219.2	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe	2		ĐD2.1.207.2	Khoa Y Dược
ĐD2.1.214.2	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	2		ĐD2.1.034.2; ĐD2.1.203.3	Khoa Y Dược
ĐD2.1.218.2	Ứng dụng công nghệ số trong thực hành điều dưỡng	2		TI2.1.501.2	Khoa Y Dược
ĐD2.1.015.2	Dịch tễ học	2		TN2.1.807.2	Khoa Y Dược
HỌC KỲ 8	**14 TC: 6 TC thực tập tốt nghiệp và 8 TC theo một trong hai phương án tốt nghiệp**	**14**			
ĐD2.1.215.6	Thực tập tốt nghiệp điều dưỡng	6	Hoàn thành các học phần chuyên ngành bắt buộc		Khoa Y Dược
Phương án 1	**Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng**	**8**			
ĐD2.1.044.8	Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề lâm sàng	8	Đủ điều kiện thực hiện	NCKH.01.001.3	Khoa Y Dược
Phương án 2	**Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp**	**8**			
ĐD2.1.216.4	Lý thuyết tổng hợp điều dưỡng	4	Hoàn thành		Khoa Y Dược

Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HP điều kiện tiên quyết	HP học trước	Đơn vị quản lý học phần
			các HPCN		
ĐD2.1.217.4	Thực tập điều dưỡng tổng hợp	4	Hoàn thành các HPCN		Khoa Y Dược
TỔNG	**TỔNG SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY TOÀN KHÓA**	**143**			

9.6. Mô tả các học phần

9.6.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

9.6.1.1. LL2.1.040.3 – Triết học Mác – Lênin – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, có hệ thống về triết học Mác – Lênin với hai bộ phận chủ yếu là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung học phần gồm khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần góp phần hình thành thế giới quan duy vật khoa học, phương pháp luận biện chứng và khả năng vận dụng kiến thức vào học tập, hoạt động nghề nghiệp và đời sống xã hội.

9.6.1.2. LL2.1.041.2 – Kinh tế chính trị Mác – Lênin – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường dưới góc tiếp cận của kinh tế chính trị Mác – Lênin; đồng thời làm rõ vai trò của các chủ thể và quan hệ kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam hiện nay. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức kinh tế và chính trị để phân tích một số vấn đề kinh tế – xã hội, phát triển tư duy lý luận và nâng cao ý thức trách nhiệm trong học tập, lao động và hoạt động nghề nghiệp.

9.6.1.3. LL2.1.042.2 – Chủ nghĩa xã hội khoa học – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp; vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ. Học phần góp phần củng cố nhận thức chính trị, niềm tin khoa học vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, xã hội.

9.6.1.4. LL2.1.043.2 – Tư tưởng Hồ Chí Minh – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, cơ sở hình thành, quá trình phát triển và các nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung trọng tâm gồm tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc; văn hóa, đạo đức và con người. Học phần góp phần bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân và thái độ rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

9.6.1.5. LL2.1.044.2 – Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Học phần giúp người học phân tích những sự kiện, thành tựu và hạn chế trong quá trình lãnh đạo cách mạng; rút ra các bài học kinh nghiệm lịch sử; nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

9.6.1.6. LL2.1.007.2 – Pháp luật đại cương – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm khái niệm, đặc trưng, chức năng và bộ máy nhà nước; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Học

phần đồng thời giới thiệu những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Qua đó, người học hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân và thái độ tuân thủ pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp.

9.6.1.7. NN2.1.001.3 – Tiếng Anh 1 – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản nhằm hình thành năng lực giao tiếp trong các tình huống quen thuộc của học tập, đời sống và môi trường đại học. Nội dung học phần tập trung phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp; đồng thời củng cố kiến thức ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp nền tảng. Học phần giúp người học bước đầu sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày, hình thành thói quen tự học ngoại ngữ và tạo nền tảng cho các học phần tiếng Anh tiếp theo.

9.6.1.8. TI2.1.501.2 – Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI – 02 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về năng lực số như: khai thác dữ liệu và thông tin; giao tiếp, hợp tác trong môi trường số; sáng tạo nội dung số; an toàn; giải quyết vấn đề và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Thông qua học phần, người học phát triển năng lực sử dụng máy tính hiệu quả, an toàn; vận dụng các công cụ số hiện đại để khai thác, xử lý thông tin, soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu và làm việc nhóm. Học phần nhấn mạnh tính ứng dụng thực tiễn, giúp người học sẵn sàng thích ứng với môi trường làm việc số hiện đại và thông minh.

9.6.1.9. NN2.1.002.3 – Tiếng Anh 2 – 03 tín chỉ

Học phần tiếp tục phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh thông qua việc mở rộng vốn từ vựng, củng cố kiến thức ngữ pháp và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống học tập, nghề nghiệp và xã hội. Nội dung học phần tập trung rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ tiền trung cấp; phát triển khả năng trình bày quan điểm, mô tả sự kiện, trao đổi thông tin và xử lý các tình huống giao tiếp thông dụng. Học phần tạo nền tảng để người học tiếp tục học Tiếng Anh 3 và tiếng Anh chuyên ngành.

9.6.1.10. NCKH.01.001.3 – Nghiên cứu khoa học – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu và quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học. Nội dung học phần tập trung vào xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, xây dựng mục tiêu và giả thuyết nghiên cứu, lựa chọn thiết kế nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập và xử lý dữ liệu, trình bày kết quả, viết báo cáo, trích dẫn tài liệu và tuân thủ đạo đức nghiên cứu. Thông qua các bài tập và hoạt động nhóm, người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, trình bày quan điểm khoa học và vận dụng kết quả nghiên cứu vào giải quyết vấn đề trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.

9.6.1.11. NN2.1.003.3 – Tiếng Anh 3 – 03 tín chỉ

Học phần nhằm hoàn thiện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của người học theo định hướng đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Nội dung học phần tập trung phát triển đồng đều bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các bối cảnh học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp xã hội; đồng thời tăng cường vốn từ vựng học thuật, cấu trúc ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp độc lập bằng tiếng Anh. Học phần tạo nền tảng cho việc học tiếng Anh chuyên ngành và khai thác tài liệu chuyên môn bằng ngoại ngữ.

9.6.1.12. KT2.1.191.2 – Khởi nghiệp – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nhận diện cơ hội, xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch, quản lý nguồn lực và phát triển mô hình khởi nghiệp phù hợp với bối cảnh kinh tế – xã hội. Đối với sinh viên ngành Điều dưỡng, học phần góp phần hình thành tư duy chủ động, sáng tạo, khả năng thích ứng nghề nghiệp, làm việc nhóm và phát triển các ý tưởng cải tiến trong chăm sóc sức khỏe.

9.6.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

9.6.2.1. TN2.1.807.2 – Toán – Thống kê Y dược – 02 tín chỉ

Học phần Toán – Thống kê Y dược cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về toán học và thống kê được sử dụng trong nghiên cứu, phân tích và xử lý dữ liệu trong lĩnh vực y học và dược học. Nội dung học phần tập trung vào đại số tổ hợp; phép thử và biến cố; các khái niệm, định nghĩa và công thức cơ bản của xác suất; biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên; một số phân phối xác suất thông dụng; lý thuyết mẫu; các phương pháp ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê và phân tích hồi quy. Thông qua học phần, người học hiểu và trình bày được các khái niệm, nguyên lý và phương pháp cơ bản của xác suất – thống kê; biết vận dụng các phương pháp thống kê để thu thập, phân tích, xử lý và diễn giải dữ liệu trong nghiên cứu y sinh, đánh giá kết quả thực nghiệm, kiểm định các giả thuyết khoa học và phân tích mối quan hệ giữa các biến số, đồng thời tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần chuyên ngành Y – Dược, Dịch tễ học, Nghiên cứu khoa học và phân tích dữ liệu y sinh ở trình độ cao hơn.

9.6.2.2. YD2.1.047.2 – Sinh học đại cương – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về cấu trúc và chức năng của tế bào; vận chuyển vật chất qua màng; chuyển hóa năng lượng; phân bào; cơ sở di truyền, biến dị và đa dạng sinh học. Phần thực hành giúp người học quan sát tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực, cấu trúc màng tế bào, hoạt động của enzym và quá trình phân bào. Học phần giúp người học hình thành kỹ năng quan sát, thực hiện thí nghiệm, thu thập và phân tích kết quả; làm cơ sở cho việc học Di truyền học và các học phần khoa học sức khỏe.

9.6.2.3. ĐD2.1.004.2 – Vật lý và Lý sinh – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các hiện tượng vật lý, nguyên lý lý sinh và ứng dụng trong cơ thể người, thiết bị y tế và kỹ thuật chăm sóc. Nội dung gồm sự biến đổi năng lượng và nhiệt; vận chuyển vật chất qua màng và dịch cơ thể; điện sinh vật; âm và siêu âm; ánh sáng, quang học; bức xạ ion hóa và an toàn bức xạ. Học phần giúp người học giải thích cơ sở khoa học của một số phương tiện chẩn đoán, điều trị, theo dõi và hỗ trợ chăm sóc; bước đầu sử dụng các thiết bị y tế thông dụng an toàn trong thực hành điều dưỡng.

9.6.2.4. YK2.1.002.2 – Di truyền học – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về di truyền học người, nhiễm sắc thể, bộ gen người, di truyền phân tử, di truyền đơn gen, đa gen – đa nhân tố, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh, di truyền ung thư, sàng lọc và chẩn đoán trước sinh. Phần thực hành giúp người học phân tích phả hệ, nhận diện một số bất thường nhiễm sắc thể, hội chứng và bệnh di truyền thường gặp. Học phần tạo cơ sở để người học vận dụng kiến thức di truyền trong dự phòng, theo dõi, chăm sóc và hỗ trợ tư vấn sức khỏe.

9.6.2.5. ĐD2.1.002.2 – Hóa học – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, bảng tuần hoàn, liên kết hóa học, nhiệt động hóa học, tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, dung dịch và dung dịch chất điện ly. Phần thực hành giúp người học thực hiện một số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm, pha dung dịch, xác định nồng độ và pH. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức hóa học để giải thích một số hiện tượng liên quan đến cơ thể, thuốc, dung dịch truyền và cân bằng acid – base; làm nền tảng cho học phần Hóa sinh.

9.6.2.6. YK2.1.005.3 – Giải phẫu học – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, cấu tạo và mối liên quan của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người, bao gồm hệ xương – khớp, hệ cơ, hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, giác quan và nội tiết. Phần thực hành hướng dẫn người học nhận diện các chi tiết giải phẫu trên mô hình, tiêu bản, hình ảnh và cơ thể người sống. Học phần giúp người học hình thành tư duy giải phẫu, kỹ năng quan sát và xác định cấu trúc cơ thể; làm nền tảng cho các học phần khoa học sức khỏe và thực hành điều dưỡng.

9.6.2.7. ĐD2.1.008.3 – Sinh lý – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về chức năng của tế bào, cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể người; cơ chế duy trì hằng định nội môi và điều hòa hoạt động của cơ thể. Nội dung gồm sinh lý tế bào, máu và dịch cơ thể, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết, nội tiết, thần kinh, sinh dục và sinh sản. Phần thực hành giúp người học quan sát tế bào máu, xác định nhóm máu, đánh giá một số chỉ số sinh lý, đo dấu hiệu sinh tồn, ghi điện tim và phân tích kết quả. Học phần giúp người học vận dụng kiến thức sinh lý để giải thích trạng thái bình thường của cơ thể và làm cơ sở nhận diện những thay đổi ở người bệnh.

9.6.2.8. YK2.1.003.3 – Sinh lý bệnh – Miễn dịch – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về bệnh nguyên, bệnh sinh và các rối loạn chức năng của cơ thể trong trạng thái bệnh; bao gồm rối loạn chuyển hóa, nước – điện giải, cân bằng acid – base, thân nhiệt, viêm, tạo máu và sinh lý bệnh của các hệ cơ quan. Học phần đồng thời trình bày cơ chế miễn dịch tự nhiên, miễn dịch đặc hiệu, kháng nguyên – kháng thể, quá mẫn, suy giảm miễn dịch và bệnh tự miễn. Phần thực hành giúp người học phân tích một số kết quả xét nghiệm và tình huống rối loạn chức năng. Qua đó, người học có khả năng giải thích cơ chế bệnh lý, nhận diện biến đổi của cơ thể và vận dụng trong theo dõi, chăm sóc người bệnh.

9.6.2.9. YK2.1.004.3 – Vi sinh – Ký sinh trùng – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về hình thể, cấu trúc, đặc điểm sinh học và khả năng gây bệnh của vi khuẩn, virus, vi nấm và ký sinh trùng y học thường gặp; cơ chế nhiễm trùng, kháng kháng sinh, khử khuẩn, tiệt khuẩn, vaccine và huyết thanh miễn dịch. Nội dung đồng thời đề cập đến chu kỳ phát triển, dịch tễ, phương pháp chẩn đoán và nguyên tắc phòng ngừa các bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng gây ra. Phần thực hành giúp người học sử dụng kính hiển vi, lấy và bảo quản bệnh phẩm, làm tiêu bản, nhuộm, quan sát và nhận diện một số vi sinh vật, ký sinh trùng thường gặp. Học phần tạo nền tảng cho Kiểm soát nhiễm khuẩn và chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.

9.6.2.10. ĐD2.1.011.3 – Hóa sinh – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất, vai trò sinh học và quá trình chuyển hóa của glucid, lipid, protid, enzym, hormon và acid nucleic; các quá trình

chuyển hóa diễn ra tại mô và các cơ quan chủ yếu của cơ thể. Phần thực hành giúp người học thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh cơ bản, đọc và nhận định một số chỉ số hóa sinh thường gặp. Học phần giúp người học giải thích cơ sở hóa sinh của hoạt động sống, những biến đổi trong một số tình trạng bệnh lý và vận dụng kết quả xét nghiệm trong theo dõi, chăm sóc người b

9.6.3. Khối kiến thức ngành Điều dưỡng

9.6.3.1. YK2.1.001.2 – Tâm lý y học – Đạo đức y học – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về tâm lý học ứng dụng trong lĩnh vực y tế và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong chăm sóc sức khỏe. Nội dung tập trung vào đặc điểm tâm lý của người khỏe mạnh, người bệnh và nhân viên y tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe; hỗ trợ tâm lý; nguyên lý đạo đức y học; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; quyền của người bệnh và các tình huống đạo đức thường gặp. Học phần giúp người học nhận diện yếu tố tâm lý, bước đầu phân tích tình huống đạo đức, tôn trọng quyền người bệnh và hình thành thái độ nhân ái, trách nhiệm, chuyên nghiệp trong thực hành điều dưỡng.

9.6.3.2. TL2.1.424.2 – Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng – 02 TC

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường y tế, giao tiếp lấy người bệnh làm trung tâm và thiết lập mối quan hệ điều dưỡng – người bệnh. Nội dung tập trung vào lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, thấu cảm, phản hồi, giao tiếp với người bệnh và gia đình, giao tiếp trong nhóm chăm sóc, thông báo thông tin khó, xử lý lo âu và xung đột. Phần thực hành giúp người học bước đầu vận dụng kỹ năng giao tiếp trong các tình huống điều dưỡng thông thường, góp phần bảo đảm an toàn, sự hợp tác và hài lòng của người bệnh.

9.6.3.3. ĐD2.1.203.3 – Giáo dục và nâng cao sức khỏe – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về nâng cao sức khỏe, hành vi sức khỏe, truyền thông, tư vấn và giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng. Nội dung tập trung vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe; xác định nhu cầu; xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp và phương tiện giáo dục; tổ chức, thực hiện và đánh giá hoạt động giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng. Phần thực hành giúp người học xây dựng kế hoạch, thực hiện tư vấn, truyền thông và hỗ trợ thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe.

9.6.3.4. ĐD2.1.034.2 – Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về phòng ngừa, giám sát và kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Nội dung tập trung vào chuỗi lây nhiễm, phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa theo đường lây, vệ sinh tay, sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, xử lý dụng cụ, vệ sinh môi trường, quản lý chất thải y tế và phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp. Phần thực hành giúp người học thực hiện đúng các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn, góp phần bảo vệ người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.

9.6.3.5. ĐD2.1.204.3 – Điều dưỡng cơ sở 1 – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nền tảng của ngành Điều dưỡng, bao gồm lịch sử, chức năng và nhiệm vụ của người điều dưỡng; nhu cầu cơ bản của con người; học thuyết điều dưỡng; quy trình điều dưỡng; nhận định người bệnh; theo dõi dấu

hiệu sinh tồn; hồ sơ chăm sóc và một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Phần thực hành giúp người học bước đầu thực hiện kỹ thuật theo quy trình, giao tiếp với người bệnh, tuân thủ kiểm soát nhiễm khuẩn và bảo đảm an toàn. Học phần hình thành tư duy chăm sóc và tạo nền tảng cho các học phần điều dưỡng tiếp theo.

9.6.3.6. ĐD2.1.205.3 – Điều dưỡng cơ sở 2 – 03 tín chỉ

Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng điều dưỡng cơ bản trên nền tảng của học phần Điều dưỡng cơ bản 1. Nội dung tập trung vào nhận định nhu cầu chăm sóc, vận dụng quy trình điều dưỡng và thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ hô hấp, tuần hoàn, dinh dưỡng, bài tiết, chăm sóc vết thương, sử dụng thuốc, truyền dịch, truyền máu và cấp cứu ban đầu trong phạm vi đào tạo. Phần thực hành giúp người học rèn luyện kỹ thuật theo quy trình, nhận diện nguy cơ, theo dõi phản ứng của người bệnh và bảo đảm an toàn trong chăm sóc.

9.6.3.7. ĐD2.1.206.3 – Thực tập điều dưỡng cơ bản – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học vận dụng kiến thức và kỹ thuật điều dưỡng cơ bản vào môi trường thực hành lâm sàng. Nội dung tập trung vào nhận định người bệnh, thực hiện một số kỹ thuật chăm sóc cơ bản, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, giao tiếp, ghi chép hồ sơ, tuân thủ kiểm soát nhiễm khuẩn và phối hợp chăm sóc dưới sự hướng dẫn, giám sát. Học phần góp phần hình thành năng lực thực hành điều dưỡng cơ bản, tác phong lâm sàng, ý thức an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp.

9.6.3.8. ĐD2.1.013.2 – Dinh dưỡng – Tiết chế – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về dinh dưỡng học, an toàn thực phẩm và dinh dưỡng trong phòng bệnh, điều trị và chăm sóc người bệnh. Nội dung gồm nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm; đánh giá tình trạng dinh dưỡng; xây dựng khẩu phần và chế độ ăn phù hợp cho người khỏe mạnh, người bệnh. Phần thực hành giúp người học đánh giá nhu cầu, lựa chọn chế độ ăn, tư vấn và giáo dục dinh dưỡng, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

9.6.3.9. ĐD2.1.012.3 – Dược lý – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thuốc, dược động học, dược lực học; tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc và nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Trên cơ sở kiến thức về thuốc, người học có khả năng vận dụng trong theo dõi người bệnh, nhận diện các nguy cơ và bất thường liên quan đến thuốc, hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc theo chỉ định và góp phần bảo đảm an toàn trong chăm sóc.

9.6.3.10. ĐD2.1.207.2 – Tổ chức y tế và Quản lý điều dưỡng – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam, tổ chức bệnh viện, y tế cơ sở, tổ chức ngành Điều dưỡng và các quy định liên quan đến hành nghề. Nội dung tập trung vào nguyên lý quản lý điều dưỡng; mô hình phân công chăm sóc; quản lý nhân lực, thời gian, vật tư và hồ sơ; an toàn người bệnh; quản lý chất lượng; nhận diện vấn đề và đề xuất giải pháp cải tiến hoạt động chăm sóc. Học phần giúp người học bước đầu vận dụng kiến thức tổ chức, quản lý và cải tiến chất lượng trong hoạt động điều dưỡng, bảo đảm an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định chuyên môn.

9.6.4. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc

9.6.4.1. ĐD2.1.020.3 – Chăm sóc người bệnh Nội khoa 1 – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về chăm sóc người bệnh mắc các bệnh nội khoa thường gặp. Nội dung tập trung vào nhận định tình trạng người bệnh, xác định vấn đề chăm sóc, lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá chăm sóc đối với người bệnh mắc bệnh hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, huyết học và một số bệnh lý nội khoa khác. Học phần giúp người học vận dụng quy trình điều dưỡng, theo dõi diễn biến, nhận diện dấu hiệu bất thường, phòng ngừa biến chứng, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh nội khoa.

9.6.4.2. ĐD2.1.208.3 – Thực tập điều dưỡng nội khoa – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học vận dụng kiến thức điều dưỡng nội khoa vào thực hành lâm sàng tại cơ sở y tế. Người học thực hiện nhận định, xác định vấn đề chăm sóc, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc; theo dõi diễn biến, phát hiện dấu hiệu bất thường, thực hiện kỹ thuật điều dưỡng, sử dụng thuốc an toàn, ghi chép hồ sơ và lượng giá kết quả chăm sóc. Học phần góp phần hình thành năng lực thực hành điều dưỡng nội khoa, giao tiếp, giáo dục sức khỏe, phối hợp nhóm và bảo đảm an toàn người bệnh.

9.6.4.3. ĐD2.1.021.3 – Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 1 – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về chăm sóc người bệnh ngoại khoa thường gặp. Nội dung tập trung vào nhận định người bệnh trước và sau phẫu thuật; chăm sóc vết thương, dẫn lưu, đau sau phẫu thuật; theo dõi, phát hiện và phòng ngừa biến chứng; hỗ trợ dinh dưỡng, vận động và phục hồi sau phẫu thuật. Học phần giúp người học vận dụng quy trình điều dưỡng để lập, thực hiện và lượng giá kế hoạch chăm sóc; phối hợp với nhóm điều trị và bảo đảm an toàn cho người bệnh ngoại khoa.

9.6.4.4. ĐD2.1.209.3 – Thực tập điều dưỡng ngoại khoa – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học vận dụng kiến thức điều dưỡng ngoại khoa vào thực hành lâm sàng tại cơ sở y tế. Người học thực hiện nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trước và sau phẫu thuật; chăm sóc vết thương, dẫn lưu; theo dõi đau và dấu hiệu biến chứng; thực hiện kỹ thuật điều dưỡng, ghi chép hồ sơ và giáo dục sức khỏe. Học phần góp phần hình thành năng lực thực hành điều dưỡng ngoại khoa, phát hiện nguy cơ, phối hợp chăm sóc và bảo đảm an toàn người bệnh.

9.6.4.5. ĐD2.1.022.3 – Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 1 – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về chăm sóc phụ nữ, thai phụ, sản phụ, bà mẹ sau sinh, trẻ sơ sinh và người bệnh phụ khoa trong các tình trạng sinh lý, bệnh lý thường gặp. Nội dung tập trung vào nhận định, xác định vấn đề chăm sóc, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và lượng giá chăm sóc trong lĩnh vực sản phụ khoa. Học phần giúp người học phát triển năng lực chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, tư vấn sức khỏe sinh sản, phát hiện dấu hiệu nguy cơ và phối hợp chăm sóc an toàn.

9.6.4.6. NN2.1.29.3 – Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng – 03 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực điều dưỡng, tập trung vào việc phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết các văn bản chuyên ngành. Nội dung học phần xoay quanh 4 chủ đề chính: giao tiếp trong môi trường bệnh viện, đánh giá bệnh nhân, công việc trong buồng bệnh và dinh dưỡng – chăm sóc bệnh nhân.

Thông qua các bài học như *Meeting Colleagues, Patient Assessment, The Patient Ward, Food and Measurements*, sinh viên được tiếp cận với các chức năng ngôn ngữ (*functions*), cấu trúc ngữ pháp (*language*) và hệ thống từ vựng chuyên ngành

(*vocabulary*) như mô tả triệu chứng, hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân, giải thích quy trình và chế độ ăn uống.

Học phần chú trọng phát triển kỹ năng đọc hiểu thông qua các dạng bài tập đa dạng và kỹ năng viết các văn bản chức năng như mô tả triệu chứng, hướng dẫn chăm sóc, ghi chú y khoa cơ bản. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành và viết các nội dung cơ bản phục vụ học tập và công việc trong lĩnh vực điều dưỡng.

9.6.4.7. ĐD2.1.116.3 – Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 2 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học vận dụng kiến thức điều dưỡng sản phụ khoa vào thực hành lâm sàng tại cơ sở y tế. Người học thực hiện nhận định và chăm sóc thai phụ, sản phụ, bà mẹ sau sinh, trẻ sơ sinh và người bệnh phụ khoa; theo dõi dấu hiệu bất thường; thực hiện kỹ thuật điều dưỡng phù hợp; ghi chép hồ sơ và giáo dục sức khỏe sinh sản. Học phần góp phần hình thành năng lực thực hành điều dưỡng sản phụ khoa, giao tiếp với người bệnh và gia đình, phát hiện nguy cơ và bảo đảm an toàn trong chăm sóc.

9.6.4.8. ĐD2.1.023.3 – Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về chăm sóc trẻ em theo các giai đoạn phát triển và trẻ mắc một số bệnh lý thường gặp. Nội dung tập trung vào đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em; nhận định tình trạng trẻ bệnh; xác định vấn đề chăm sóc; lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá chăm sóc điều dưỡng nhi khoa. Học phần giúp người học phát triển năng lực chăm sóc trẻ phù hợp với lứa tuổi, theo dõi dấu hiệu bất thường, tư vấn cho gia đình và bảo đảm an toàn cho trẻ.

9.6.4.9. ĐD2.1.117.3 – Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học vận dụng kiến thức điều dưỡng nhi khoa vào thực hành lâm sàng tại cơ sở y tế. Người học thực hiện nhận định trẻ bệnh, xác định vấn đề chăm sóc, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc; theo dõi dấu hiệu bất thường; thực hiện kỹ thuật phù hợp với lứa tuổi; sử dụng thuốc an toàn; ghi chép hồ sơ và tư vấn cho người chăm sóc trẻ. Học phần góp phần hình thành năng lực thực hành điều dưỡng nhi khoa, giao tiếp với trẻ và gia đình, giáo dục sức khỏe và bảo đảm an toàn trong chăm sóc.

9.6.4.10. ĐD2.1.210.3 – Điều dưỡng truyền nhiễm – 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về chăm sóc người mắc các bệnh truyền nhiễm thường gặp. Nội dung tập trung vào nhận định, theo dõi, xác định vấn đề chăm sóc, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc; cách ly, phòng ngừa lây nhiễm, xử lý chất thải, quản lý bệnh phẩm và giáo dục sức khỏe. Phần thực hành giúp người học vận dụng quy trình điều dưỡng, thực hiện biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn, phát hiện dấu hiệu bất thường và phối hợp xử trí, góp phần bảo đảm an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.

9.6.4.11. ĐD2.1.211.4 – Điều dưỡng cấp cứu và hồi sức tích cực – 04 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về nhận định nhanh, phân loại, xử trí ban đầu, theo dõi và chăm sóc người bệnh cấp cứu, người bệnh nặng. Nội dung tập trung vào đánh giá ban đầu người bệnh cấp cứu theo trình tự ưu tiên; cấp cứu ngừng tuần hoàn, suy hô hấp, sốc, chấn thương, ngộ độc và một số tình trạng nguy kịch thường gặp; quản lý đường thở, hỗ trợ hô hấp, tuần hoàn và theo dõi người bệnh hồi sức. Phần thực hành giúp người học nhận diện dấu hiệu nguy kịch, xác định ưu tiên, thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cấp cứu, phối hợp nhóm và bảo đảm an toàn người bệnh.

9.6.4.12. ĐD2.1.212.2 – Điều dưỡng cộng đồng – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe, phòng bệnh và nâng cao sức khỏe. Nội dung tập trung vào thu thập, phân tích thông tin; nhận diện vấn đề sức khỏe; xác định ưu tiên; lập kế hoạch, triển khai và đánh giá hoạt động chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. Phần thực hành giúp người học khảo sát cộng đồng, phân tích nhu cầu, đề xuất giải pháp, truyền thông, giáo dục sức khỏe và phối hợp với các bên liên quan trong thực hiện hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

9.6.4.13. ĐD2.1.102.2 – Điều dưỡng tâm thần – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về sức khỏe tâm thần, mối quan hệ trị liệu, triệu chứng tâm thần thường gặp, quy trình điều dưỡng và chăm sóc người có rối loạn tâm thần. Nội dung đề cập đến chăm sóc người bệnh lo âu, rối loạn liên quan đến stress, rối loạn cảm xúc, rối loạn loạn thần, rối loạn do sử dụng chất, suy giảm nhận thức và một số tình huống cấp cứu tâm thần. Phần thực hành giúp người học nhận định, giao tiếp trị liệu, lập kế hoạch chăm sóc, tư vấn, giáo dục sức khỏe và xử trí ban đầu các tình huống nguy cơ, bảo đảm an toàn và tôn trọng quyền người bệnh.

9.6.4.14. ĐD2.1.213.4 – Chăm sóc lão khoa và chăm sóc giảm nhẹ – 04 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng chăm sóc người cao tuổi, người mắc bệnh mạn tính tiến triển, bệnh nặng và người bệnh giai đoạn cuối đời. Nội dung tập trung vào những thay đổi sinh lý, tâm lý và nhu cầu chăm sóc ở người cao tuổi; nhận định toàn diện; duy trì chức năng; phòng ngừa té ngã, suy dinh dưỡng, tổn thương do tỳ đè và suy giảm nhận thức; đánh giá, kiểm soát đau và các triệu chứng khó chịu; hỗ trợ tâm lý, xã hội, tâm linh và chăm sóc cuối đời. Phần thực hành giúp người học xây dựng kế hoạch chăm sóc cá thể hóa, giao tiếp, tư vấn, hỗ trợ người bệnh và gia đình, phối hợp nhóm chăm sóc nhằm nâng cao chất lượng sống và bảo đảm phẩm giá người bệnh.

9.6.5. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn

Sinh viên lựa chọn và tích lũy **08 trong số 18 tín chỉ** của các học phần sau:

9.6.5.1. ĐD2.1.107.2 – Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ nội – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng chăm sóc người bệnh thuộc một số chuyên khoa hệ nội, trọng tâm là lao, da liễu và thần kinh. Nội dung tập trung vào đặc điểm bệnh lý, nhận định tình trạng người bệnh, xác định vấn đề ưu tiên, lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá chăm sóc; theo dõi diễn biến, phát hiện bất thường, phòng ngừa biến chứng và thực hiện một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa. Học phần giúp người học mở rộng năng lực chăm sóc nội khoa chuyên biệt, tư vấn, giáo dục sức khỏe và phối hợp với người bệnh, gia đình và nhóm chăm sóc.

9.6.5.2. ĐD2.1.109.2 – Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ ngoại – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng chăm sóc người bệnh thuộc các chuyên khoa Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt và Mắt. Nội dung tập trung vào nhận định tình trạng người bệnh, xác định vấn đề chăm sóc, lập, thực hiện và lượng giá kế hoạch chăm sóc; theo dõi, phát hiện dấu hiệu bất thường, phòng ngừa biến chứng và thực hiện một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa. Học phần giúp người học mở rộng năng lực chăm sóc ngoại khoa chuyên biệt, giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe và bảo đảm an toàn người bệnh.

9.6.5.3. ĐD2.1.103.2 – Chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quan điểm chăm sóc sức khỏe theo y học cổ truyền; học thuyết âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc – huyệt; nguyên nhân gây bệnh, tứ chẩn, bát cương và nguyên tắc chăm sóc kết hợp. Học phần giới thiệu một số phương pháp không dùng thuốc, thuốc cổ truyền và cây thuốc Nam thường dùng; chỉ định, chống chỉ định và yêu cầu an toàn. Phần thực hành giúp người học xác định một số huyệt thường dùng, thực hiện động tác xoa bóp cơ bản, nhận biết một số cây thuốc Nam và hướng dẫn người bệnh sử dụng các biện pháp chăm sóc kết hợp phù hợp với phạm vi hành nghề điều dưỡng.

9.6.5.4. ĐD2.1.028.2 – Chăm sóc người cần được phục hồi chức năng – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về phục hồi chức năng, lượng giá chức năng, phòng ngừa thương tật thứ phát và vai trò của điều dưỡng trong quá trình phục hồi. Nội dung gồm tư thế trị liệu, vận động theo tầm khớp, hỗ trợ di chuyển, sử dụng dụng cụ trợ giúp và hướng dẫn người bệnh, gia đình duy trì chức năng. Phần thực hành giúp người học vận dụng một số biện pháp chăm sóc phục hồi phù hợp, phòng ngừa biến chứng và hỗ trợ người bệnh hòa nhập cộng đồng.

9.6.5.5. ĐD2.1.219.2 – Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức về cơ sở pháp lý, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, cơ chế tổ chức và các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2035. Nội dung tập trung vào nâng cao năng lực y tế cơ sở; phòng bệnh và nâng cao sức khỏe; dân số và phát triển; chăm sóc xã hội cho người dễ bị tổn thương; truyền thông, quản lý, theo dõi và giám sát Chương trình. Phần thực hành, seminar giúp người học phân tích tình huống, xác định vấn đề ưu tiên, xây dựng kế hoạch hoạt động và xác định vai trò của điều dưỡng trong triển khai Chương trình tại cộng đồng.

9.6.5.6. ĐD2.1.214.2 – Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp – 02 TC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các yếu tố môi trường, điều kiện lao động, nguy cơ nghề nghiệp và ảnh hưởng đến sức khỏe cá nhân, cộng đồng và nhân viên y tế. Nội dung tập trung vào nhận diện, đánh giá nguy cơ; phòng ngừa bệnh liên quan đến môi trường và nghề nghiệp; an toàn lao động; quản lý môi trường chăm sóc và truyền thông bảo vệ sức khỏe. Phần thực hành giúp người học phân tích tình huống, nhận diện nguy cơ môi trường – nghề nghiệp, đề xuất biện pháp dự phòng và hướng dẫn thực hành an toàn.

9.6.5.7. ĐD2.1.218.2 – Ứng dụng công nghệ số trong thực hành điều dưỡng – 02 TC

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về ứng dụng phần mềm trong chăm sóc người bệnh. Nội dung tập trung vào khai thác hồ sơ người bệnh điện tử; cập nhật và theo dõi thông tin chăm sóc; quản lý kế hoạch chăm sóc, dấu hiệu sinh tồn, thực hiện y lệnh, thuốc, vật tư, xét nghiệm và các dịch vụ cận lâm sàng; ghi chép, lượng giá và bàn giao chăm sóc. Học phần đồng thời trang bị các nguyên tắc về an toàn, bảo mật thông tin, phân quyền tài khoản và phòng ngừa sai sót khi nhập liệu. Phần thực hành giúp người học thao tác trên phần mềm mô phỏng, dữ liệu giả lập hoặc hệ thống được cơ sở thực hành cho phép, qua đó vận dụng phần mềm vào quy trình tiếp nhận, chăm sóc, theo dõi, ghi nhận và bàn giao người bệnh.

9.6.5.8. ĐD2.1.015.2 – Dịch tễ học – 02 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về khái niệm, mục tiêu và phương pháp tiếp cận dịch tễ học; các số đo mắc bệnh, tử vong và mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ với bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; sàng lọc phát hiện bệnh sớm; sai số, yếu tố nhiễu; quá trình dịch và nguyên tắc điều tra, phòng chống dịch. Phần thực hành giúp người học tính toán, diễn giải một số chỉ số dịch tễ, lựa chọn thiết kế nghiên cứu, phân tích thông tin sức khỏe và đề xuất biện pháp dự phòng phù hợp.

9.6.6. Khối thực tập và tốt nghiệp

9.6.6.1. Thực tập tốt nghiệp

ĐD2.1.215.6 – Thực tập tốt nghiệp điều dưỡng – 06 tín chỉ

Học phần giúp người học tích hợp và vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp đã tích lũy vào thực hành tại cơ sở y tế. Người học thực hiện nhận định, xác định vấn đề chăm sóc, lập, thực hiện và lượng giá kế hoạch chăm sóc; thực hiện kỹ thuật điều dưỡng; sử dụng thuốc an toàn; giao tiếp, giáo dục sức khỏe; ghi chép hồ sơ và phối hợp với nhóm chăm sóc. Học phần góp phần hoàn thiện năng lực thực hành, khả năng tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp, thích ứng với môi trường lâm sàng và mức độ sẵn sàng hành nghề của người học trước khi tốt nghiệp.

9.6.6.2. Tốt nghiệp, Sinh viên lựa chọn một trong hai phương án sau:

Phương án 1. Khóa luận tốt nghiệp

ĐD2.1.044.8 – Khóa luận tốt nghiệp – 08 tín chỉ

Học phần giúp người học vận dụng kiến thức chuyên môn, phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng phân tích để giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng hoặc chăm sóc sức khỏe. Người học lựa chọn vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, thu thập và xử lý dữ liệu, trình bày kết quả, thảo luận, đề xuất khuyến nghị, hoàn thiện và bảo vệ khóa luận. Học phần đánh giá năng lực nghiên cứu, tư duy khoa học, sử dụng bằng chứng, tự học, tự chủ, chịu trách nhiệm và trình bày kết quả nghiên cứu của người học.

Phương án 2. Các học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp

ĐD2.1.216.4 – Lý thuyết tổng hợp điều dưỡng – 04 tín chỉ

Học phần Lý thuyết tổng hợp điều dưỡng giúp người học hệ thống hóa và vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các tình huống chăm sóc người bệnh. Nội dung tập trung vào các quy định về hành nghề điều dưỡng và chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa; tích hợp quy trình điều dưỡng, an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng thuốc an toàn, dinh dưỡng, giao tiếp, giáo dục sức khỏe, ghi chép và bàn giao chăm sóc. Thông qua phân tích ca bệnh, người học thực hiện nhận định, xác định vấn đề và thứ tự ưu tiên; xây dựng, giải thích, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc phù hợp, an toàn; đồng thời phát triển năng lực tự học, tự chủ, trách nhiệm và tác phong nghề nghiệp.

ĐD2.1.217.4 – Thực tập điều dưỡng tổng hợp – 04 tín chỉ

Học phần giúp người học tích hợp và vận dụng kiến thức, kỹ năng điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh tại các chuyên khoa Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa và Nhi khoa. Người học thực hiện nhận định, xác định vấn đề chăm sóc, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, theo dõi, lượng giá và điều chỉnh hoạt động chăm sóc phù hợp với tình trạng người bệnh. Trong quá trình thực tập, người học thực hiện kỹ thuật điều dưỡng, giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe, sử dụng thuốc an toàn, kiểm soát nhiễm khuẩn và

phối hợp với người bệnh, gia đình, nhóm chăm sóc. Học phần góp phần hoàn thiện năng lực thực hành tổng hợp, khả năng tự chủ, trách nhiệm và tác phong nghề nghiệp.

9.6.7. Các học phần điều kiện tốt nghiệp

9.6.7.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên tích lũy **07 tín chỉ**, gồm Giáo dục thể chất 1 và mỗi nhóm tự chọn 01 học phần.

TC2.1.024.2 – Giáo dục thể chất 1 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình; cách thức tập luyện, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

Tự chọn nhóm 1: Sinh viên chọn 01 trong các học phần sau

TC2.1.022.3 – Giáo dục thể chất 2: Bóng đá 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.023.3 – Giáo dục thể chất 2: Bóng bàn 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.004.3 – Giáo dục thể chất 2: Bóng chuyền 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.005.3 – Giáo dục thể chất 2: Cầu lông 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.006.3 – Giáo dục thể chất 2: Võ thuật 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.007.3 – Giáo dục thể chất 2: Điền kinh 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.018.3 – Giáo dục thể chất 2: Bóng rổ 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.020.3 – Giáo dục thể chất 2: Bơi lội 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.025.3 – Giáo dục thể chất 2: Pickleball 1 – 03 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn Pickleball, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

Tự chọn nhóm 2: Sinh viên chọn 01 trong các học phần sau

TC2.1.008.2 – Giáo dục thể chất 3: Bóng đá 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; bài tập phối hợp, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.009.2 – Giáo dục thể chất 3: Bóng bàn 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.010.2 – Giáo dục thể chất 3: Bóng chuyền 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng chuyền; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.011.2 – Giáo dục thể chất 3: Cầu lông 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.012.2 – Giáo dục thể chất 3: Võ thuật 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn võ thuật; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.013.2 – Giáo dục thể chất 3: Điền kinh 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn điền kinh; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.019.2 – Giáo dục thể chất 3: Bóng rổ 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.021.2 – Giáo dục thể chất 3: Bơi lội 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bơi lội; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

TC2.1.026.2 – Giáo dục thể chất 3: Pickleball 2 – 02 tín chỉ

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn Pickleball, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.7.2. Giáo dục quốc phòng – an ninh

Sinh viên hoàn thành **09 tín chỉ**, gồm các học phần sau:

QP.2.1.014.3 – Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 – 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh.

QP.2.1.015.2 – Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 – 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam; phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng, chống việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam.

QP.2.1.016.2 – Giáo dục quốc phòng – an ninh 3 – 02 tín chỉ

Học phần luyện tập cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ và phòng, chống vũ khí hủy diệt lớn.

QP.2.1.017.2 – Giáo dục quốc phòng – an ninh 4 – 02 tín chỉ

Học phần luyện tập cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2026 của Trường Đại học Tân Trào được đối sánh với chương trình của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và Đại học Mahidol, Thái Lan. Nội dung đối sánh gồm chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và thực hành nghề nghiệp.:

Nội dung	ĐH Tân Trào	ĐH Điều dưỡng Nam Định	ĐH Y - Dược, ĐH Huế	ĐH Mahidol
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm
Tổng số tín chỉ	143	139	137	125
Cấu trúc	Theo khối kiến thức	Theo khối kiến thức	Theo mô-đun tích hợp	Theo khối kiến thức
Thực tập, tốt nghiệp	14 tín chỉ	12 tín chỉ	Thực hành tích hợp; 4 tín chỉ tốt nghiệp	36 tín chỉ thực hành chuyên môn

Các chương trình đều chú trọng chăm sóc toàn diện, an toàn người bệnh, thực hành lâm sàng, chăm sóc cộng đồng, giao tiếp, nghiên cứu khoa học, quản lý và đạo đức nghề nghiệp.

Kết quả đối sánh cho thấy chương trình của Trường Đại học Tân Trào có cấu trúc và nội dung phù hợp. Nhà trường tiếp tục tăng cường thực hành dựa vào bằng chứng, công nghệ số, phối hợp liên ngành và đánh giá năng lực lâm sàng. Kết quả đối sánh được sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến chương trình đào tạo.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng được rà soát, điều chỉnh cùng với chương trình đào tạo từ tháng đến tháng năm . Bản mô tả được phê duyệt và ban hành theo Quyết định số …/QĐ-ĐHTTr ngày …/…/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.